

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NĂM 2020

HÀ NỘI – 5/2020



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020

- Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*gọi tắt là Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*);
- Căn cứ Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ vào nhu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông mới; Căn cứ vào năng lực đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của nhà trường;

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội công bố Đề án Tuyển sinh đại học chính quy năm 2020 của nhà trường. Cụ thể như sau :

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG : (*tính đến thời điểm xây dựng Đề án*)

1. Tên trường, sứ mệnh của trường, địa chỉ trường :

- Tên trường : TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
- Mã trường : TDH
- Địa chỉ : Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại : (024)33.866.058, (024)33.866.899 Fax (024) 33866598
- Website : www.dhsptdtthanoi.edu.vn

*** Sứ mệnh của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (Mission) :**

Nhà trường có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giáo dục thể chất và thể thao trường học; bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam.

*** Tầm nhìn (Vision) :** Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội trở thành trường đại học sư phạm trọng điểm, có uy tín trong khu vực và trên thế giới về đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; là trung tâm nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế hàng đầu về giáo dục thể chất, thể thao trường học; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế với tài năng trẻ thể dục thể thao Việt Nam.

*** Giá trị cốt lõi (Core Values) : CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

2. Quy mô đào tạo tính đến ngày 31/12/2019 : (người học)

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo			
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành ...	Tổng
I	Chính quy				
1	Sau đại học				
	Thạc sĩ				
	<i>Ngành Giáo dục học</i>	112			112
2	Đại học				
2.1	Chính quy				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	804			804
2.2	Liên thông chính quy (từ cao đẳng lên đại học)				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	184			184
II	Vừa làm vừa học				
1	Đại học				
	Liên thông VLVH (từ cao đẳng lên đại học)				
	<i>Ngành Giáo dục thể chất</i>	203			203

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất :

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất :

Ngành đào tạo giáo viên, hệ đại học : **Giáo dục thể chất**

Mã ngành đào tạo : **7140206**

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT, kết hợp thi Năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức.

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

- Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT, cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT (*tính hệ số 1*) và điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng (theo *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*).

* Tiêu chí xét tuyển :

+ Tiêu chí 1 : Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

+ Tiêu chí 2 : Thí sinh có đủ sức khoẻ, không bị khuyết tật. Đo chiều cao : nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên.

- + Tiêu chí 3 : Tổng điểm trung bình của hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT trong 4 tổ hợp nêu trên phải đạt 13,0 điểm trở lên (VĐV có Huy chương theo quy chế tuyển sinh đạt từ 10,0 trở lên), (làm tròn đến một chữ số thập phân).
- Tiêu chí 4 : Có tham dự thi Năng khiếu TDTT xét tuyển vào hệ đại học chính quy của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*.
- * Nội dung thi Năng khiếu TDTT như sau :
 - + Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Đo chiều cao : nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên (có Barem kiểm tra riêng). Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm - 1,5 cm thì điểm thi Năng khiếu TDTT bị trừ 0,5 - 1,0; thiếu 2,0 cm trở lên thì bị loại (VĐV đạt Huy chương do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).
 - + Bật xa tại chỗ 3 lần (bật xa trên hố cát), thành tích tính bằng centimet, lấy thành tích cao nhất, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.
 - + Chạy 100m hoặc Chạy nhanh khéo, thành tích tính bằng giây, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.
- * Điểm xét tuyển (ĐXT) = M1 + M2 + M3 + ĐƯT. Trong đó :
 - M1, M2 là điểm trung bình hai môn học cả năm lớp 12 bậc học THPT trong 4 tổ hợp trên.
 - Điểm thi Năng khiếu TDTT : $M3 = (\text{Điểm Bật xa tại chỗ} + \text{Điểm Chạy 100m})/2$
hoặc $M3 = (\text{Điểm Bật xa tại chỗ} + \text{Điểm Chạy nhanh khéo})/2$.
 - ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực
- Ưu tiên gồm : ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất : (theo Đề án tuyển sinh riêng)

Khối ngành/ Ngành/Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I : Đào tạo Giáo viên Ngành : Giáo dục Thể chất Mã ngành đào tạo : 7140206 <i>Tổ hợp xét tuyển :</i> - Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT - Toán, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT - Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT <i>Trong đó :</i> Tổng điểm trung bình của 2 môn học cả năm lớp 12 đạt từ 13,0 trở lên (VĐV có Huy chương đạt từ 10,0 trở lên). Điểm thi Năng khiếu TDTT tính hệ số 1.	330	357	(KV1, UT 1) 17,5	330	361	(KV1, UT 1) 16,5
Tổng cộng :	330	357	-	330	361	-

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG :

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu :

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá :

- Tổng diện tích đất của trường : **14,3 ha** (cụ thể : 143.477 m²)
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : **3.360 chỗ**
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên sinh viên chính quy :

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	485
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	04	728
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	04	544
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	11	1.252
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	280
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	35	1.895
2.	Thư viện, trung tâm học liệu.	02	1.300
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	26	26.440
	Tổng :		32.924

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, Nhà tập, Nhà thi đấu đa năng, Sân tập, Bể bơi và các trang thiết bị :

(Phục vụ chỉ cho một ngành *Giáo dục Thể chất*)

TT	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành Tin học	02	02 máy chiếu, 150 máy tính
2	Phòng thực hành Ngoại ngữ (LAB)	02	Máy chiếu + 100 máy cá nhân
3	Phòng thực hành Y học	01	Các thiết bị đo, xác định khả năng chức phận của hệ tuần hoàn, hô hấp, thần kinh cơ và phục hồi chức năng.

TT	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính
4	Phòng thực hành Sinh hóa, Sinh lý TĐTT.	01	Các thiết bị Sinh hóa, Sinh lý TĐTT.
5	Phòng học Giải phẫu	01	Các bộ xương người thật, các mô hình bộ phận nội tạng cơ thể người.
6	Nhà đa năng, thể dục dụng cụ, huấn tập võ thuật	01	Các thiết bị, máy tập TĐTT.
7	Nhà tập, thi đấu đa năng	01	Các thiết bị, máy tập và thi đấu TĐTT.
8	Nhà tập bóng bàn, cầu lông	01	Các bộ bàn bóng bàn, thiết bị tập bóng bàn.
9	Sân điền kinh với đường chạy phủ nhựa tổng hợp.	01	Tổng diện tích sân bãi : 22.090 m ² .
10	Sân bóng đá phủ cỏ nhân tạo Mỹ	02	
11	Sân bóng chuyền tiêu chuẩn Quốc gia	06	
12	Sân bóng rổ	03	
13	Sân bóng ném	02	
14	Sân quần vợt tiêu chuẩn Quốc gia	03	
15	Bể bơi tiêu chuẩn Quốc gia	01	
16	Cân, đo chiều cao điện tử	02	
17	Máy chạy bộ 4 chức năng 585L/4	06	
18	Máy chạy bộ đơn 585L/12	06	
19	Dàn tạ 11 công năng	01	
20	Dàn tạ 300G/120GD	04	
21	Máy chạy đa năng 8630/12	05	
22	Máy chạy đa năng 868HA	05	
23	Xe đạp Thể lực	02	
24	Xe đạp tổng hợp 2010A/2	02	
25	Máy tập bụng 210	01	
26	Máy tập căng chân 620S	01	
27	Máy tập chạy có màn hình 932i	01	
28	Máy tập đùi 602B	01	

TT	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính
29	Máy tập lưng 712	03	
30	Máy tập tạ 608	03	
31	Máy tập vai và tay FT555	02	
32	Xe đạp có màn hình 842i	01	
33	Bộ dụng cụ đo độ dày da	01	
34	Bộ lực kế lưng	01	
35	Bộ lực kế tay	01	
36	Bộ thước nhân trắc	01	
37	Máy điện tim ECG 1503	01	
38	Máy đo mạch tự động	05	
39	Máy đo tâm hoạt động khớp	01	
40	Máy phân tích chức năng hô hấp	01	
41	Máy siêu âm ALOKA (SSD1000)	01	
42	Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000	01	
43	Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES- 521	01	
44	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K	01	
45	Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil	01	
46	Máy XQ chụp tổng hợp cao tần EZY - RAD	01	
47	Mô hình giải phẫu 21 phần Torso	02	
48	Thiết bị đo phản xạ toàn thân 1264B	01	
49	Thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động	02	
50	Thiết bị phục hồi chấn thương bằng xoay bóp điện từ	02	

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo,...., sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện :

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng Intranet để tra cứu tài liệu. Thư viện hiện có trên 48.391 đầu sách, giáo trình phục vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất, thể hiện một phần ở Bảng dưới đây.

(Phục vụ chỉ cho một ngành : **Giáo dục thể chất**)

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
	* CÁC MÔN LÝ LUẬN ĐẠI CƯƠNG :	
1	Giáo trình Tin học đại cương	285
2	Giáo trình Tâm lý học đại cương	506
3	Giáo trình Tiếng Anh đại cương	248
4	Giáo trình Nguyên lý cơ bản của Mác Lênin	540
5	Giáo trình Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam	372
6	Giáo trình Logic	455
7	Giáo trình Giáo dục học đại cương T1, T2	560
8	Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi & sư phạm	530
9	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	458
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	851
11	Giáo trình Cơ sở Văn hóa Việt Nam	365
12	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	297
13	Giáo trình Âm nhạc	661
	* CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH :	
14	Giáo trình Tâm lý học TĐTT	1957
15	Giáo trình Sinh lý học TĐTT	590
16	Giáo trình Thể dục đồng diễn	624
17	Giáo trình Sinh hóa TĐTT	1065
18	Giáo trình Đo lường TĐTT	1719
19	Giáo trình Nghiên cứu khoa học TĐTT	387
20	Giáo trình Lịch sử phong trào Olympic	476
21	Giáo trình Y học TĐTT	400

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
22	Giáo trình Quản lý học TDTT	2339
23	Giáo trình Lý luận và Phương pháp TDTT	385
24	Giáo trình Lý luận và Phương pháp GDTC trong trường học	384
25	Giáo trình Toán thống kê TDTT	1562
26	Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành	1209
27	Giáo trình Aerobic	1298
28	Giáo trình Vệ sinh	559
29	Giáo trình Trò chơi	1436
30	Giáo trình Giải phẫu học TDTT	970
	* CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH :	
31	Giáo trình Điền kinh	1995
32	Giáo trình Bóng đá	1197
33	Giáo trình Bóng rổ	941
34	Giáo trình Bơi lội	513
35	Giáo trình Bóng ném	1100
36	Giáo trình Bóng chuyền	681
37	Giáo trình Taekwondo	792
38	Giáo trình Cờ vua	1556
39	Giáo trình Cầu lông	1113
40	Giáo trình Bóng bàn	1644
41	Giáo trình Quần vợt	1713
42	Giáo trình Thể dục	1855
43	Giáo trình Đá cầu	1808
	* TÀI LIỆU THAM KHẢO :	
44	Lý luận TDTT thành tích cao	100
45	Bóng rổ - Kỹ thuật và phương pháp tập luyện	15
46	Huấn luyện thể lực VĐV cầu lông	12
47	Chính sách phát triển thể lực thể thao ở cơ sở	14
48	Những bài tập hoàn thiện kỹ thuật bơi	15

STT	Danh mục học liệu	Số lượng (bản)
49	Bóng chuyền trong trường học phổ thông	15
50	Cờ vua cho mọi người	11
51	Kỹ thuật và phương pháp thể lực bóng đá	11
52	Tập đánh bóng bàn	12
53	Phương pháp thực hành trọng tài bóng ném	15
54	Tuyển chọn VĐV và quản lý huấn luyện thể thao	15
55	Bóng rổ trong trường học phổ thông	15
56	Phòng chữa một số bệnh thường gặp bằng tập luyện TDTT và chế độ ăn uống	15
57	Thuật ngữ TDTT dùng trong các văn bản nhà nước	15
58	Văn hóa học TDTT	50
59	Luật thi đấu cờ vua	481
60	Luật thi đấu cầu lông	385
61	Luật thi đấu bơi lội	379
62	Luật thi đấu bóng rổ	393
63	Luật thi đấu đá cầu	391
64	Luật thi đấu quần vợt	517
65	Luật thi đấu bóng ném	500
66	Luật thi đấu bóng đá 5 người	80
67	Luật thi đấu bóng đá 7 người	207
68	Luật thi đấu bóng đá 11 người	350
69	Luật thi đấu điền kinh	760
70	Luật Taekwondo	480
71	Luật thi đấu bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển	278
72	Luật thi đấu bóng bàn	364
	* TẠP CHÍ :	
73	Tạp chí Thể dục thể thao	1600
74	Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao	500
	Tổng cộng :	48.391

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học :

(Nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Ngành Giáo dục thể chất, Mã ngành : 7140206)

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
1	Bùi Quang Hải	Nam	PGS	Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
2	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
3	Nguyễn Duy Quyết	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
4	Phùng Xuân Dũng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC
5	Hương Xuân Nguyên	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
6	Đỗ Mạnh Hưng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
7	Lê Thanh	Nam		Tiến sĩ	Toán học
8	Đỗ Anh Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
9	Mai Tú Nam	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
10	Nguyễn Mạnh Toàn	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
11	Phạm Anh Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Huấn luyện thể thao
12	Nguyễn Khắc Dược	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
13	Nguyễn Thu Nga	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học
14	Nguyễn Tiến Lợi	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
15	Phạm Thị Hương	Nữ		Tiến sĩ	Giáo dục học - GDTC
16	Phùng Mạnh Cường	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
17	Trần Văn Cường	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
18	Tô Tiến Thành	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
19	Trần Mai Linh	Nữ		Tiến sĩ	Triết học
20	Trần Ngọc Minh	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
21	Vũ Quốc Huy	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
22	Nguyễn Thành Hưng	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
23	Phạm Minh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Học vị Tiến sĩ</i>)
24	Đặng Đình Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
25	Đặng Hùng Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
26	Đặng Thị Kim Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
27	Đặng Thị Thúy Nga	Nữ		Thạc sĩ	Phương pháp dạy học môn Toán
28	Đặng Thu Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
29	Đào Thị Ngân Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
30	Đào Xuân Anh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
31	Đinh Thị Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý Thể dục thể thao
32	Đoàn Thanh Nam	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
33	Hà Thị Kim Oanh	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
34	Hồ Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
35	Hoàng Anh Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
36	Hoàng Minh Thủy	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học
37	Lã Huy Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
38	Lại Triệu Minh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
39	Lê Chí Nhân	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
40	Lê Duy Linh	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Âm nhạc
41	Lê Học Liêm	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
42	Lê Mạnh Cường	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
43	Lê Mạnh Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
44	Lê Thị Thanh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
45	Lê Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
46	Lê Thị Thu Thúy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
47	Lê Thị Vân Liêm	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị
48	Mai Thị Bích Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
49	Mai Thị Ngoãn	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
50	Mai Thị Thanh Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
51	Ngô Bằng Giang	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
52	Ngô Thanh Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
53	Ngô Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
54	Nguyễn Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học Âm nhạc
55	Nguyễn Doãn Vũ	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
56	Nguyễn Hoàng Việt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
57	Nguyễn Hoàng Yên	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
58	Nguyễn Hồng Minh	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục
59	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
60	Nguyễn Tân Cảnh	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
61	Nguyễn Thành Chung	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
62	Nguyễn Thị Diệu Khánh	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
63	Nguyễn Thị Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
64	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
65	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
66	Nguyễn Thị Liên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
67	Nguyễn Thị Mai Thoan	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
68	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
69	Nguyễn Thị Thoa	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học
70	Nguyễn Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
71	Nguyễn Thị Thu Minh	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
72	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
73	Nguyễn Văn Hạnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
74	Nguyễn Văn Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục
75	Nguyễn Văn Thuật	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
76	Nguyễn Việt Hồng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
77	Nguyễn Xuân Thành	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
78	Phạm Duy Hải	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
79	Phạm Mai Vương	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
80	Phạm Ngọc Tú	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
81	Phạm Phi Điệp	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
82	Phạm Quốc Toàn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
83	Phạm Thị Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
84	Phạm Thị Thanh Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
85	Phạm Văn Quý	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
86	Phan Chí Quyết	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
87	Phan Văn Huynh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
88	Quách Thị Ngọc Hà	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học môi trường
89	Thái Quỳnh Anh	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
90	Trần Chí Công	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
91	Trần Đình Phòng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
92	Trần Đình Tường	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
93	Trần Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
94	Trần Hải Thanh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
95	Trần Thị Nhu	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
96	Trần Thị Thu Trang	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
97	Trương Công Đức	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
98	Vũ Công Lâm	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
99	Vũ Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
100	Vũ Văn Thịnh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
101	Nguyễn Kim Mạnh	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Bằng Thạc sĩ</i>)
102	Nguyễn Tùng Lâm	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Bằng Thạc sĩ</i>)
103	Lại Thế Hòa	Nam		Đại học	Toán Tin

Tổng số giảng viên cơ hữu : **103** (trong đó 02 PGS Tiến sĩ, 20 Tiến sĩ, 78 Thạc sĩ, 03 Đại học)

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ đại học :

(*Ngành Giáo dục thể chất, Mã ngành : 7140206*)

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
1	Nguyễn Xuân Sinh (*)	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
2	Bùi Danh Tuyên	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất
3	Lê Ngọc Khánh	Nam		Tiến sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
4	Cao Hoài Anh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
5	Chu Thanh Hải	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
6	Đặng Hải Linh	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện thể thao
7	Đào Thị Hương	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
8	Đỗ Thị Tố Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
9	Hoàng Thu Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin
10	Lê Dung	Nữ		Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất & thống kê toán học
11	Lê Ngọc Vinh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
12	Lê Nguyên Hoàn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
13	Lê Thị Thùy Chi	Nữ		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học
14	Ngô Thế Phương	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
15	Nguyễn Kim Tùng	Nam		Thạc sĩ	Toán Cơ Tin
16	Nguyễn Mạnh Đạt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
17	Nguyễn Thị Thúc	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
18	Nguyễn Văn Duyệt	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
19	Nguyễn Văn Tuyên	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
20	Phạm Ngọc Quân	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
21	Phan Ngọc Linh	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất & HLTT
22	Phan Thị Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và PP giảng dạy tiếng Anh
23	Trần Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
24	Trần Thị Diệu Linh	Nữ		Thạc sĩ	Triết học
25	Vũ Thanh Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
26	Vũ Thị Trang	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
27	Đặng Phương Lan	Nữ		Đại học	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Bằng Thạc sĩ</i>)
28	Nguyễn Thị Thanh	Nữ		Đại học	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Bằng Thạc sĩ</i>)
29	Nguyễn Việt Sáng	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất (<i>chờ cấp Bằng Thạc sĩ</i>)

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo
30	Đinh Thị Huyền	Nữ		Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất
31	Đoàn Hà Trung	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất
32	Hoàng Lê Minh	Nam		Đại học	Y học Thể dục thể thao
33	Lại Thế Việt	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất
34	Lê Chí Hường	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất
35	Nguyễn Phương Linh	Nữ		Đại học	Y học Thể dục thể thao
36	Nguyễn Thu Trang	Nữ		Đại học	Giáo dục thể chất
37	Nguyễn Tố Quyên	Nữ		Đại học	Giáo dục thể chất
38	Nguyễn Trung Hiếu	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất
39	Nguyễn Văn Đại	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất
40	Trần Hữu Trung	Nam		Đại học	Giáo dục thể chất

Tổng cộng : **40** giảng viên (trong đó 01 Giáo sư Tiến sĩ, 02 Tiến sĩ, 23 Thạc sĩ, 14 Đại học).

Tất cả các giảng viên đều hợp đồng không xác định thời hạn, trừ Giảng viên đánh dấu (*) là hợp đồng xác định thời hạn.

(Nhóm ngành Đào tạo giáo viên : giảng viên thỉnh giảng không được tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học.)

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2020 :

1. TUYỂN SINH CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC :

(Không bao gồm Liên thông chính quy từ trung cấp, cao đẳng lên đại học)

1.1. Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (giáo dục thường xuyên). Thí sinh đủ sức khoẻ, chiều cao nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh : Tuyển sinh trên Toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh : Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 THPT (hoặc tương đương) cộng với điểm thi Năng khiếu TĐTT, với các tổ hợp sau :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TĐTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TĐTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TĐTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TĐTT

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh :

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo :

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7140206	Giáo dục thể chất	3501/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	01/7/2003	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2003	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành đào tạo, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo :

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)	
				Theo xét KQ thi THPT QG	Theo phương thức khác (4 tổ hợp)
1	Đại học	7140206	Giáo dục thể chất	0	800

(*) Chỉ tiêu tuyển sinh phân đều cho 4 tổ hợp nói trên (Mục 1.3.). Trường hợp một tổ hợp xét tuyển ít thí sinh đăng ký dự tuyển thì chỉ tiêu tuyển sinh sẽ sử dụng cho tổ hợp xét tuyển khác có nhiều thí sinh đăng ký dự tuyển.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển :

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 THPT (hoặc tương đương) cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT, với các tổ hợp sau :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

*** Yêu cầu :** Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT (hoặc tương đương) của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên và phải đạt : hoặc Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau yêu cầu Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT của hai môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 10,0 trở lên và Học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình trở lên. Cụ thể :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, giải vô địch quốc gia, quốc tế;
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 9,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

*** Nội dung thi Năng khiếu TDTT :**

+ Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Đo chiều cao : nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên. Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm - 2,0 cm thì điểm thi Năng khiếu TDTT bị trừ 0,5 - 1,0 (có Barem trừ điểm); thiếu trên 2,0 cm thì bị loại (trường hợp VĐV đạt Huy chương do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).

+ Bật xa tại chỗ 3 lần (bật xa trên hố cát), thành tích tính bằng centimet, lấy thành tích cao nhất, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.

+ Chạy 100m hoặc Chạy nhanh khéo, thành tích tính bằng giây, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.

* Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất Mã số ngành : 7140206

*** Tổ hợp xét tuyển :**

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 THPT (hoặc tương đương) cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT, với 4 tổ hợp sau :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

- Nội dung môn thi Năng khiếu TDTT :

- + Bật xa tại chỗ (tính bằng cm)
- + Chạy 100m (hoặc Chạy Nhanh khéo) (tính bằng giây)

1.7. Tổ chức tuyển sinh :

7.1.1. Thời gian :

- Hồ sơ đăng ký dự thi Năng khiếu TDTT gửi qua Bưu điện hoặc nộp tại Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên trước khi thi 5 ngày. Thí sinh có thể nộp hồ sơ qua *các đơn vị, cán bộ, giáo viên được nhà trường ủy quyền*; hoặc đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website của nhà trường.
- Thi Năng khiếu TDTT tại Trường ĐHSP TDTT Hà Nội, theo các đợt :
 - + Đợt 1 : các ngày 19-20/8/2020 (làm thủ tục từ 8h00 sáng ngày 19/8/2020)
 - + Đợt 2 : các ngày 19-20/9/2020 (làm thủ tục từ 8h00 sáng ngày 19/9/2020)
 - + Đợt 3 : các ngày 19-20/10/2020 (làm thủ tục từ 8h00 sáng ngày 19/10/2020)
 - + Đợt 4 : các ngày 19-20/11/2020 (làm thủ tục từ 8h00 sáng ngày 19/11/2020)
 - + Đợt 5 : các ngày 19-20/12/2020 (làm thủ tục từ 8h00 sáng ngày 19/12/2020)*(Các đợt thi bổ sung nhà trường sẽ thông báo trên website của trường).*
- Hội đồng Tuyển sinh nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc mỗi đợt tuyển sinh và công bố kết quả xét tuyển vào thời gian sớm nhất.
- Triệu tập thí sinh trúng tuyển theo các đợt tuyển sinh, trong vòng 1 tuần sau khi thi năng khiếu TDTT.
- * **Ghi chú** : Những thí sinh chưa có Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT *(hoặc tương đương)* phải nộp bổ sung sau; Thí sinh nộp hồ sơ tham gia xét tuyển trong cùng khoảng thời gian quy định của từng đợt xét tuyển đều có giá trị xét tuyển như nhau, kết quả xét tuyển không phụ thuộc vào việc nộp hồ sơ trước hay nộp hồ sơ sau trong cùng một đợt xét tuyển.

7.1.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :

a) Hình thức nhận đăng ký xét tuyển :

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển gửi qua Bưu điện hoặc nộp tại Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên của nhà trường.
- Thí sinh có thể nộp hồ sơ qua *các đơn vị, cán bộ, giáo viên được nhà trường ủy quyền*; hoặc đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website của nhà trường.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển :

- Đơn đăng ký xét tuyển (theo Mẫu trên Website : **www.dhsptdtthanoi.edu.vn**).
- Bản photo Học bạ THPT (hoặc tương đương).
- Bản photo Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) với thí sinh tốt nghiệp trước 2020. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc bản photo Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp 2020.
- Tính đến ngày dự thi Năng khiếu TDTT, thí sinh phải nộp 4 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.
- Bản photo Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).
- Lệ phí xét tuyển và thi Năng khiếu TDTT : **330.000 đ**.

7.1.3. Các điều kiện xét tuyển :

Thí sinh phải có đủ các điều kiện sau để được xét trúng tuyển :

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương (hình thức giáo dục thường xuyên).
- Thí sinh có đủ sức khỏe. Đo chiều cao : nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên.
- Thí sinh có tham dự thi Năng khiếu TDTT vào hệ đại học chính quy của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

* **Yêu cầu :** Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT (hoặc tương đương) của 2 môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên và phải đạt : hoặc Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Các trường hợp sau yêu cầu Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT của hai môn học trong tổ hợp xét tuyển phải đạt 10,0 trở lên và Học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình trở lên. Cụ thể :

- + Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, giải vô địch quốc gia, quốc tế;
- + Thí sinh có điểm thi năng khiếu TDTT do Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tổ chức đạt 9,0 điểm trở lên.

7.1.4. Tổ hợp môn xét tuyển đối ngành đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất :

Xét tuyển theo tổng điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 THPT (hoặc tương đương) cộng với điểm thi Năng khiếu TDTT, với các tổ hợp sau :

Tổ hợp 1 : Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 2 : Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 3 : Toán + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Tổ hợp 4 : Ngữ văn + Giáo dục công dân + Năng khiếu TDTT

Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

* Nội dung thi Năng khiếu TDTT :

- + Kiểm tra thể hình : Thí sinh có đủ sức khỏe, không bị khuyết tật; Đo chiều cao : nam từ 1,62m, nữ từ 1,52m trở lên. Nếu chiều cao thiếu 1,0 cm - 2,0 cm thì điểm thi Năng khiếu TDTT bị trừ 0,5 - 1,0 (có Barem trừ điểm); thiếu trên 2,0 cm thì bị loại (trường hợp VĐV đạt Huy chương do Hội đồng Tuyển sinh quyết định).
- + Bật xa tại chỗ 3 lần (bật xa trên hố cát), thành tích tính bằng centimet, lấy thành tích cao nhất, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.
- + Chạy 100m hoặc Chạy nhanh khéo, thành tích tính bằng giây, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.

* **Điểm xét tuyển :** ĐXT = M1 + M2 + M3 + ĐƯT

M1, M2 = Điểm trung bình cả năm của hai môn học lớp 12 THPT trong từng tổ hợp.

M3 = Điểm môn Năng khiếu TDTT

ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực

- Ưu tiên gồm : ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Điểm xét tuyển được tính đến hai chữ số thập phân.

1.8. Chính sách ưu tiên :

1.8.1. Xét tuyển thẳng :

* **Đối tượng được tuyển thẳng :** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD), Giải vô địch Châu Á, Cúp Châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á.

* **Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng :**

- + Phiếu đăng ký tuyển thẳng (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- + Giấy chứng nhận huy chương hoặc Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu.
- + Công văn của cơ quan quản lý vận động viên giới thiệu VĐV đi học; hoặc đơn xin đi học của vận động viên (được cơ quan quản lý cho phép).
- + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2020. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020 (nộp bổ sung trước khi nhập học).
- + Bản sao công chứng Giấy khai sinh.
- + Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.
- + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có, để xét học bổng trong quá trình học).
- + Lệ phí đăng ký hồ sơ và xét tuyển : **30.000 đ.**

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển :

* **Đối tượng được ưu tiên xét tuyển :** Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) có tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT (hoặc tương đương) của hai môn học trong tổ hợp đăng ký xét tuyển phải đạt 13,0 trở lên. Nếu thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế thì yêu cầu đạt 10,0 trở lên.

+ Thí sinh đoạt Huy chương Vàng tại các giải vô địch thể thao hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm hoặc được Tổng cục Thể dục Thể thao có quyết định công nhận là Kiện tướng quốc gia (gọi là Đối tượng A) : được hưởng 10 điểm Năng khiếu TDTT.

+ Thí sinh đoạt Huy chương Bạc, Huy chương Đồng tại các giải vô địch thể thao hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm hoặc được Tổng cục Thể dục Thể thao có quyết định công nhận là Vận động viên cấp 1 quốc gia (gọi là Đối tượng B) : được hưởng 9 điểm Năng khiếu TDTT.

* **Hồ sơ ưu tiên xét tuyển :**

- + Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- + Quyết định công nhận đăng cấp Kiện tướng quốc gia hoặc Giấy chứng nhận Huy chương Vàng của các giải vô địch thể thao hạng nhất quốc gia (Đối tượng A).
- + Quyết định công nhận đăng cấp Vận động viên cấp 1 hoặc Giấy chứng nhận Huy chương Bạc, Đồng tại các giải vô địch thể thao hạng nhất quốc gia (Đối tượng B).

+ Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2020. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp 2020.

+ Bản sao công chứng Học bạ THPT (hoặc tương đương) nếu tốt nghiệp trước năm 2020 (nếu tốt nghiệp 2020).

+ Bản sao công chứng Giấy khai sinh.

+ Hai ảnh chân dung cỡ 4x6 (mới chụp trong 6 tháng) và hai phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

+ Phiếu đăng ký tham dự kỳ thi THPT Quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia (nếu tham dự kỳ thi).

+ Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Lệ phí đăng ký hồ sơ xét tuyển : **30.000 đ.**

* Các giấy tờ thiếu có thể nộp bổ sung trước ngày nhập học.

1.8.3. Điều khoản bổ sung :

+ Thời gian thí sinh được xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh năng khiếu TDTT của Trường.

+ Các thí sinh được hưởng chế độ ưu tiên phải kiểm tra thể hình theo quy định của nhà trường (đăng ký học ngành Giáo dục thể chất).

+ Các thí sinh Đối tượng B ở Mục 1.8.2 nêu trên có thể đăng ký thi tuyển năng khiếu TDTT để có điểm cao hơn.

+ Các thí sinh hưởng chế độ xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên của nhà trường. Nếu thí sinh nộp qua đường bưu điện cần thông báo cho chuyên viên tư vấn tuyển sinh của nhà trường qua số điện thoại (024)33.866.899 để Hội đồng tuyển sinh nhà trường nắm được thông tin.

+ Sinh viên hệ chính quy không phải đóng học phí, có đủ chỗ ở trong Ký túc xá.

+ Chính sách ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng được thực hiện theo *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*.

1.9. Lệ phí xét tuyển / thi tuyển : 330.000 đ.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy :

+ *Học phí đối với sinh viên chính quy : Không phải đóng học phí.*

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành) :

- *Nhà trường tổ chức hướng dẫn nội dung Năng khiếu TDTT và bố trí nơi ở Ký túc xá miễn phí* cho thí sinh, phụ huynh trong thời gian dự thi tại trường.
- *Sinh viên không phải đóng học phí* trong quá trình đào tạo. Nhà trường có đủ chỗ ở trong Ký túc xá. Hết học kỳ I, căn cứ kết quả học tập, sinh viên được xét cấp học bổng. Sinh viên diện chính sách được cấp học bổng, tiền trợ cấp xã hội.
- *Vị trí sau khi sinh viên tốt nghiệp* : Giảng dạy tại trường phổ thông các cấp, các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục đào tạo, làm việc tại các Sở Văn hóa-Thể thao, các Trung tâm TDTT, các Câu lạc bộ TDTT (như Yoga, GYM, Boxing, Thể hình, Võ thuật,...), các Trung tâm Phục hồi

chức năng và Chăm sóc sức khỏe, các Công ty Tổ chức sự kiện... và được phép dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Giáo dục học của nhà trường.

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh bổ sung trong năm :

- + Tháng 01/2021. Thí sinh đăng ký trực tiếp với Phòng Quản lý Đào tạo và công tác sinh viên, Điện thoại : (024)33.866.899

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất) :

* Tình hình việc làm năm 2018 :

Ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục thể chất	520	0	414	0	326	0	93,55%	0
Tổng	520	0	414	0	326	0	93,55%	0

* Tình hình việc làm năm 2019 :

Ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Giáo dục thể chất	460	0	242	0	187	0	96,32%	0
Tổng	460	0	242	0	187	0	96,32%	0

1.14. Tài chính :

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường : 36.292.886.000 đ
(Trường sư phạm không được phép thu học phí)
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh : 24.919.000 đ (sinh viên không phải đóng học phí)

2. TUYỂN SINH LIÊN THÔNG CHÍNH QUY, VỪA LÀM VỪA HỌC TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC.

2.1. Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân, Thể dục thể thao... Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành khác nếu trúng tuyển sẽ học theo chương trình riêng. Nếu tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh : Tuyển sinh trên Toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh : Thi ba môn :

- + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất.
- + Sinh lý Thể thao.
- + Năng khiếu TDTT : Bật xa tại chỗ; Chạy 100m (hoặc Chạy nhanh khéo).

- Nội dung thi Năng khiếu TDTT : Bật xa tại chỗ (tính bằng cm); Chạy 100m (hoặc Chạy Nhanh khéo) (tính bằng giây).
- Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo *Quy chế Tuyển sinh của Bộ GD&ĐT*.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (*):

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu ĐHLT chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu ĐHLT VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo Liên thông CĐ lên ĐH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140206	Giáo dục thể chất	200	320	1196/QĐ-BGDĐT	09/3/2007	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2007

(*) Căn cứ vào nhu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất của các địa phương đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông mới (có công văn của UBND Tỉnh, Thành phố); Căn cứ vào năng lực đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của nhà trường; Căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao cho.

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT :

Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành đúng, ngành gần : Sư phạm Giáo dục thể chất, ghép môn Thể dục – Đoàn Đội, Thể dục – Sinh, Thể dục – Giáo dục công dân, Thể dục thể thao... Trường hợp tốt nghiệp trung cấp thì phải có bằng tốt nghiệp THPT. Thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng ngành khác nếu trúng tuyển sẽ học theo chương trình riêng.

Tất cả các thí sinh phải có đủ sức khỏe và phải đạt một trong các tiêu chí sau :

- + hoặc Có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy môn Thể dục, huấn luyện TDTT;
- + hoặc Tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng đạt loại Khá trở lên;
- + hoặc Tốt nghiệp THPT loại Khá;
- + hoặc Học lực lớp 12 đạt loại Khá;
- + hoặc Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên;

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường :

- Tên trường : Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.
- Mã số trường : TDH
- Tên ngành : Giáo dục thể chất
- Mã số ngành : 7140206

* ***Tổ hợp thi tuyển :***

Tổ hợp 1 : + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;

+ Sinh lý Thể thao;

+ Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ, Chạy 100m.

- Tổ hợp 2* : + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
 + Sinh lý Thể thao;
 + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ, Chạy Nhanh khéo (nhặt bóng).

Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

2.7. Tổ chức tuyển sinh :

2.7.1. Thời gian :

Trường ĐHSPTDTT Hà Nội tổ chức các đợt thi vào các tháng 5, 6, 10, 11, 12/2020 (sẽ có thông báo ngày thi cụ thể cho từng đợt trực tiếp tới thí sinh). Hội đồng Tuyển sinh nhà trường họp xét tuyển ngay sau khi kết thúc mỗi đợt tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển vào thời gian sớm nhất.

2.7.2. Hồ sơ đăng ký thi tuyển :

Hồ sơ đăng ký dự thi nộp tại Phòng Quản lý Đào tạo & Công tác sinh viên trước khi thi 5 ngày theo đợt thi (tháng 5, 6, 10, 11, 12/2020). Thí sinh có thể nộp hồ sơ qua các đơn vị liên kết đào tạo, cán bộ, giáo viên được nhà trường ủy quyền.

* *Hồ sơ đăng ký thi tuyển* :

- Đơn đăng ký thi tuyển
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương nơi cư trú.
- Bản photô công chứng Bằng điểm và Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, bằng tốt nghiệp THPT, học bạ THPT (hoặc tương đương).
- 04 ảnh chân dung cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ); 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại người nhận.
- Bản photô Giấy chứng nhận là đối tượng ưu tiên (nếu có).

2.7.3. Tổ hợp môn thi đối ngành đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất :

- Tổ hợp 1* : + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
 + Sinh lý Thể thao;
 + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ, Chạy 100m.

- Tổ hợp 2* : + Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
 + Sinh lý Thể thao;
 + Năng khiếu TDTT: Bật xa tại chỗ, Chạy Nhanh khéo (nhặt bóng).

Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

* *Nội dung thi Năng khiếu TDTT như sau* :

- + Bật xa tại chỗ 3 lần (bật xa trên hố cát), thành tích tính bằng centimet, lấy thành tích cao nhất, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.
- + Chạy 100m hoặc Chạy nhanh khéo, thành tích tính bằng giây, chấm điểm theo Barem, thang điểm 10.

* *Điểm xét tuyển (ĐXT) = M1 + M2 + M3 + ĐƯT.* Trong đó :

- + M1 là điểm môn thi Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất;
- + M2 là điểm môn thi Sinh lý Thể thao;
- + Điểm thi Năng khiếu TDTT : $M3 = (\text{Điểm Bật xa tại chỗ} + \text{Điểm Chạy 100m})/2$
 hoặc $M3 = (\text{Điểm Bật xa tại chỗ} + \text{Điểm Chạy nhanh khéo})/2$.
- + ĐƯT = Điểm ưu tiên đối tượng + Điểm ưu tiên khu vực
- Ưu tiên gồm : ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Điểm xét tuyển được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2.8. Lệ phí thi tuyển : (dự kiến) **330.000 đ/thí sinh**

Chưa bao gồm lệ phí hướng dẫn ôn thi (nếu có).

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên : 5.000.000 đ/học kỳ x 4 học kỳ

Lộ trình tăng học phí tối đa : 5.500.000 đ/học kỳ/SV x 4 học kỳ.

3. THÔNG TIN HỖ TRỢ TRỰC TIẾP :

+ Địa chỉ website của trường : <http://www.dhsptdtthanoi.edu.vn>

+ Cán bộ hỗ trợ trực tiếp để giải đáp thắc mắc :

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Mạnh Toàn	Trưởng phòng ¹	0914.821.979	nguyenmanhtoantdt@gmail.com
2	TS. Trần Văn Cường	P.Trưởng phòng ¹	0983.887.282	cuongbb@gmail.com
3	ThS. Trần Thu Trang	P.Trưởng phòng ¹	0904.090.885	tttrang.hupes@moet.edu.vn
4	Ông Nguyễn Minh Tư	P.Trưởng phòng ²	0961.421.970	mtu@moet.edu.vn

¹ : Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên : (024)33.866.899

² : Phòng Tổ chức Nhân sự & Truyền thông.

4. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (Nhà trường có Thông báo riêng) :

+ **Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ**, ngành Giáo dục học, năm 2020 : **72 chỉ tiêu**

* Liên hệ trực tiếp với Khoa Đào tạo Sau đại học :

TS. Đỗ Mạnh Hưng (Trưởng khoa) : **0904.171.689**

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2020

CÁN BỘ LẬP ĐỀ ÁN

HIỆU TRƯỞNG *Utm*



TS. Lê Thanh



TS. Nguyễn Duy Quyết

DD : **0987.394.148**

Email : lethanhtdhn@gmail.com

(nguyên Phó Hiệu trưởng)